

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/01/2023
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quốc Dũng;
- Bà Lương Thị Kim Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 458/2022/TLST-HN&GD ngày 15/11/2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*”. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2022/QĐXXST-HN ngày 27 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cao Minh L (N), sinh năm 1973; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 17, ấp VA, xã VH, thị xã TC, tỉnh AG. Chỗ ở hiện nay: Tổ 92, ấp NC, xã VBB, huyện VT, tỉnh KG.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thu Tr, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 17, ấp VA, xã VH, thị xã TC, tỉnh AG.

Ông L và bà Tr có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Cao Minh L trình bày: Năm 1995 ông L và bà Tr tự tìm hiểu, yêu thương nhau và chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, ông L và bà Tr chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống chung giữa ông L và bà Tr không còn hạnh phúc. Ông L và bà Tr không chung sống với nhau từ năm 2010 cho đến nay. Nay, ông L yêu cầu ly hôn với bà Tr.

Về con chung: Ông L và bà Tr có 03 (ba) người con chung tên Cao Văn M, sinh ngày 18/02/1996; Cao Ngọc L, sinh ngày 16/04/1999 và Cao Minh H, sinh ngày 12/08/2004. Hiện các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thu Tr trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến chung sống như vợ chồng như ông L trình bày. Ông L và bà Tr chung sống hạnh phúc được 15 năm, đến năm 2010 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống về tình cảm. Bà Tr và ông L sống xa nhau từ năm 2010 đến nay. Bà Tr đồng ý ly hôn với ông L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông L và Tr có 03 (ba) người con chung tên Cao Văn M, sinh ngày 18/02/1996; Cao Ngọc L, sinh ngày 16/04/1999 và Cao Minh H, sinh ngày 12/08/2004. Hiện các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải về con chung do con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động; không hòa giải về hôn nhân do ông L và bà Tr không đăng ký kết hôn;

Hội đồng xét xử công bố Kết quả xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã VH, thị xã TC, tỉnh AG về việc ông L và bà Tr không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, thị xã TC, tỉnh AG do ông Cao Minh L cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

- Về thẩm quyền: Ông Cao Minh L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thu Tr. Bà Tr đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 17, ấp VA, xã VH, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Kiểm sát tuân theo pháp luật: Vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Năm 1995, ông L và bà Tr tự tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, ông L và bà Tr chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm nên cuộc sống chung giữa ông L và bà Tr không hạnh phúc. Ông L và bà Tr, sống xa nhau từ năm 2010 cho đến nay. Nay, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Tr và bà Tr đồng ý ly hôn với ông Cao Minh L.

Theo Kết quả xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã VH về việc ông L và bà Tr không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, thị xã TC, tỉnh AG.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”*.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*.

Ông L và bà Tr chung sống với nhau có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Xét, không công nhận ông Cao Minh L và bà Nguyễn Thu Tr là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, bản tự khai của bị đơn, ông L và bà Tr đồng thống nhất khai trong thời gian chung sống, ông L và bà Tr có 03 (ba) người con chung tên Cao Văn M, sinh ngày 18/02/1996; Cao Ngọc L, sinh ngày 16/04/1999 và Cao Minh H, sinh ngày 12/08/2004. Hiện các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà Tr đồng thống nhất khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông L đã nộp. Bà Tr không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Cao Minh L và bà Nguyễn Thu Tr là vợ chồng.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Cao Minh L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007229 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC; Ông L đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thu Tr không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của ông Cao Minh L và bà Nguyễn Thu Tr là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TX. TC (02);
- Chi cục THADS TX. TC (01);
- Tòa án nhân dân tỉnh AG(01);
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương